

Số: **595/2021/QĐST-HNGĐ**

Thành phố B, ngày 11 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 04 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 301/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Hữu L, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 24/B, ấp 2, xã Tân H, (nay là KP2, phường Tân H), TP. B, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đàm Thị Thu P, sinh năm 1986.

Địa chỉ: 20 Nguyễn Du, khu phố 4, phường Quang Vinh, TP. B, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Bà Bùi Thị Thúy O, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 24/B, ấp 2, xã Tân H, (nay là KP2, phường Tân H), TP. B, tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1965.

Địa chỉ: 8/10, khu phố Tân Phú 1, phường Tân Bình, thị xã D, tỉnh Bình D.

2. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở T.

Địa chỉ: Số 98, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố B, tỉnh Đ.

3. Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đ.

Địa chỉ: Khu phố 1, phường Bửu Long, thành phố B, tỉnh Đ.

4. Cháu Lê Thị Bảo T, sinh năm 1996.

5. Cháu Lê Tinh Nh, sinh năm 2002.

Cùng địa chỉ: 24/B, ấp 2, xã Tân H (nay là KP2, phường Tân H), TP. B, tỉnh Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Ông Lê Hữu L và bà Bùi Thị Thúy O thống nhất với việc ông Lê Hữu L rút yêu cầu đối với việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là Quyền sử dụng

đất 1392,0m² thuộc thửa đất số 53, tờ bản đồ số 57 tọa lạc tại phường An Bình, thành phố B.

b. Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nói trên, Tòa án nhân dân Thành phố B đã ban hành Thông báo về việc rút yêu cầu khởi kiện cho các bên có liên quan đến vụ án như Chi cục thi hành án dân sự Thành phố B; Quỹ tín dụng nhân dân T; hai cháu Lê Tinh N; Lê Thị Bảo Th; bà Lê Thị Kim L, cũng như triệu tập họp lệ họ nhiều lần để lên Tòa án làm việc, kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải vụ án, cũng như có ý kiến về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông L nhưng họ không có ý kiến phản hồi về nội dung xin rút đồng thời có đơn xin vắng mặt; riêng Quỹ tín dụng triệu tập họp lệ hai lần đều không có mặt nhưng không có lý do. Do đó, nguyên đơn và bị đơn thống nhất đề nghị Tòa án tiến hành hoà giải vắng mặt những người nói trên theo quy định của pháp luật.

c. Đối với phần tài sản là đất và nhà tồn tại trên đất tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại phường Tân H, thành phố B đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Hữu L và bà Bùi Thị Thuý O số W366129 ngày 28/11/2020, ông Lê Hữu L và bà Bùi Thị Thuý O thống nhất chia như sau: Theo chứng thư Thẩm định giá số 90/2020/CT-Tvcorp ngày 05/8/2020 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thuận Việt thì giá trị Quyền sử dụng đất là 3.515.000.000đ (Ba tỷ năm trăm mười lăm triệu đồng chẵn). Giá trị nhà ở gia đình gắn liền với đất và cây trồng trên đất có giá trị là 350.667.700đ (Ba trăm năm mươi triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm đồng). Tổng giá trị tài sản là 3.865.667.700đ (Ba tỷ tám trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm đồng). Giá trị tài sản này hai bên thống nhất về giá và không yêu cầu tiến hành Thẩm định giá lại, đồng thời cả hai bên đồng ý chia đôi mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là $3.865.667.700\text{đ}/2=1.932.833.850\text{đ}$ (Một tỷ chín trăm ba mươi hai triệu tám trăm ba mươi ba nghìn tám trăm năm mươi đồng). Ông Lê Hữu L là người sẽ nhận bằng hiện vật là nhà và đất; ông L có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Bùi Thị Thuý O giá trị bằng tiền là 1.932.833.850đ (Một tỷ chín trăm ba mươi hai triệu tám trăm ba mươi ba nghìn tám trăm năm mươi đồng).

Giao ông Lê Hữu L được quyền quản lý, sử dụng và định đoạt đối với quyền sử dụng đất có diện tích 537,5m² (được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 1) của thửa đất số 17, tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại phường Tân H, thành phố B, tỉnh Đ đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận cho ông Lê Hữu L và bà Bùi Thị Thuý O đứng tên số W366129 ngày 28/11/2020 cùng căn nhà có kết cấu mái tôn, tường gạch, cột gạch, nền gạch men có tổng diện tích xây dựng là 168,3m² cùng một số cây trồng trên đất (kèm theo bản vẽ hiện trạng thửa đất số 1373/2020 ngày 14/3/2020 và bản vẽ hiện trạng nhà ngày 13/3/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ chi nhánh B).

Ông Lê Hữu L tự liên hệ với Văn phòng đăng ký đất đai để làm thủ tục đăng ký theo quy định.

d. Đối với khoản nợ chung vay của bà Lê Thị Kim L số tiền là 330.000.000đ (Ba trăm ba mươi triệu đồng). Ông L và bà O đồng ý trả nợ cho bà L mỗi người chịu số tiền 165.000.000đ (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

e. Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá tài sản, Ông Lê Hữu L và Bà Bùi Thị Thuý O thống nhất mỗi người chịu $\frac{1}{2}$. Cụ thể chi phí đã thực hiện là 76.351.881đ (bảy mươi sáu triệu ba trăm năm mươi một ngàn tám trăm tám mươi một đồng). Do đó, mỗi bên phải chịu là 38.175.940đ (Ba mươi tám triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn chín trăm bốn mươi đồng). Chi phí này ông Lê Hữu L đã ứng ra để thanh toán đủ. Do đó, bà Bùi Thị Thuý O phải thanh toán lại cho ông Lê Hữu L số tiền 38.175.940đ (Ba mươi tám triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn chín trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

g. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm:

+ Về án phí chia tài sản sau khi ly hôn hoà giải thành có giá ngạch: Ông Lê Hữu L và bà Bùi Thị Thuý O được chia phần tài sản bằng nhau là 1.932.833.850đ (Một tỷ chín trăm ba mươi hai triệu tám trăm ba mươi ba ngàn tám trăm năm mươi đồng), nên phần án phí có giá ngạch đối với tài sản được chia mỗi bên phải chịu là (36.000.000đ + 3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 800.000.000đ) là 36.000.000đ + 3% (1.932.833.850-800.000.000đ = 1.132.833.850đ) = 69.985.015đ (Sáu mươi chín triệu chín trăm tám mươi ngàn không trăm mười lăm đồng).

+ Về phần án phí phải chịu đối với phần nợ chung vay của bà Lê Thị Kim L thì mỗi bên phải chịu là (5% x 165000.000đ = 8.250.000đ (Tám triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng)).

Tổng phần án phí mà ông Lê Hữu L và bà Bùi Thị Thuý O phải chịu mỗi người là 78.235.015đ (bảy mươi tám triệu hai trăm ba mươi lăm ngàn không trăm mười lăm đồng)

Do các bên đã hoà giải thành với nhau, nên phần án phí phải chịu chỉ còn 50% của số tiền 78.235.015đ (bảy mươi tám triệu hai trăm ba mươi lăm ngàn không trăm mười lăm đồng) = 39.117.507đ (Ba mươi chín triệu một trăm mười bảy ngàn năm trăm lẻ bảy đồng). Trước đó, ông L đã nộp tạm ứng án phí là 13.100.000đ (Mười ba triệu một trăm ngàn đồng) tại biên lai thu số 0003981 ngày 30/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố B, nên chỉ còn phải nộp số tiền là 26.017.507đ (Hai mươi sáu triệu không trăm mười bảy ngàn năm trăm lẻ bảy đồng).

+ Do ông Lê Hữu L và bà Bùi Thị Thuý O chấp nhận trả khoản nợ chung cho bà Lê Thị Kim L, nên bà L được nhận lại khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.250.000đ (Tám triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tại Biên lai thu số 0009327 ngày 04/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. BH;
- UBND phường (xã) nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đồng Thị Hồng